TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-PT
Ngày: 07-3-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa và ông Nguyễn Hồng Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dụng Thị Mỹ Ái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận***: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2018/TLPT-DS ngày 26/12/2018, về việc: "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện TP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐ-PTngày 22/02/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T- Sinh năm 1967; địa chỉ Xóm 9, thôn HT, xã HM, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Ủy quyền cho ông Lê Văn L- Sinh năm 1983; địa chỉ khu phố LH, thị trấn LT, huyện TL, tỉnh Bình Thuận (theo ủy quyền ngày 15/12/2017)

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Mỹ H- Sinh năm 1966; địa chỉ Số 309, Xóm 5, thôn LL, xã HM, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Thanh H - Sinh năm 1962; địa chỉ thôn thôn LL, xã HM, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị T gửi đến Tòa án ngày

17/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện cho nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với bà H, khi nghe tin bà H có cần bán đất, bà T mua đất của bà H. Thửa đất nông nghiệp diện tích là 2.900 m^2 tọa lạc tại xóm 5, xã HM, huyện TP đã được UBND huyện TPcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất với giá mua là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Vào ngày 14/8/2017, bà T đặt cọc cho bà H số tiền 30.000.000 đồng, có làm giấy chuyển nhượng đất đề ngày 14/8/2017, giấy này là hình thức hợp đồng đặt cọc và hẹn trong vòng một tháng (ngày 14/9/2017) sẽ chồng đủ số tiền còn lại là 550.000.000 đồng (năm trăm hai mươi triệu đồng) hai bên ra công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng đất.

Nhưng sau đó bà Tuyết biết được thông tin là thửa đất này nằm trong diện quy hoạch giải tỏa làm đường, sợ không chuyển nhượng được, nên bà T có thỏa thuận bằng miệng với bà H là không mua thửa đất này, nếu bà H có bán đất cho người khác thì trả lại tiền cọc cho bà T .

Kể từ khi bà H bán đất cho người khác đến nay, mặc dù bà T đã nhắc nhở nhiều lần, nhưng đến nay bà H vẫn không trả lại tiền đặt cọc cho bà T .

Nay bà yêu cầu bà H phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng cho bà T , không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Bùi Thị Mỹ H trình bày:

Bà có một mảnh đất nông nghiệp tọa lạc tại xóm 5, xã HM, huyện TP với diện tích là 2.900m^2 (gồm 02 thửa số 770 và 293) đã được UBND huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho ông Phạm Thanh S). Vào năm 2017, do bà cần bán đất để trả nợ, qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Thanh H là người hàng xóm, giới thiệu bà Bùi Thị T là người ở thôn HT, xã HM, huyện TP là người kinh doanh đất đai.

Sau khi bà H dẫn bà T đi coi đất xong, giữa bà và bà T hai bên thống nhất là bà bán toàn bộ thửa đất này cho bà T với giá 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Vào ngày 14/8/2017 và bà T đặt cọc cho bà số tiền 30.000.000 đồng. Do con rễ bà T tên Thịnh đem tiền tới nhà đặt cọc, đồng thời Thịnh làm giấy chuyển nhượng đất ghi ngày 14/8/2017 và hẹn trong vòng một tháng đến ngày 14/9/2017 bà T sẽ chồng đủ số tiền còn lại là 520.000.000 đồng để bà H ra công chứng làm thủ tục sang tên cho bà T . Việc mua bán này có bà H chứng kiến.

Tuy nhiên chỉ khoảng 20 ngày sau (chưa đến ngày 14/9/2017) bà T đã nhiều lần điện thoại cho bà H , cũng như gọi điện cho tôi, bà nói là đất bà H nằm trong diện quy hoạch giải tỏa làm đường nên bà không không mua thửa đất này và yêu cầu trả tiền cọc lại, bà H không đồng ý.

Đến ngày 14/9/2017 là hạn cuối cùng, bà điện thoại cho bà T thì một lần nữa bà T nói là thửa đất này chuẩn bị có con đường đi ngang qua nên bà không mua, có bán cho người khác thì trả tiền cọc lại cho bà.

Do cần tiền bà H đã bán thửa đất này cho Phạm Thanh Sơn với giá 500.000.000 đồng (theo giấy đặt cọc tiền đất ngày 15/9/2017).

Nay bà T yêu cầu buộc phải trả lại số tiền đặt cọc là 30.000.000 đồng, tôi không đồng ý. Vì bà T là người vi phạm hợp đồng, làm bà phải bán đất cho người khác lỗ 50.000.000 đồng, nên bà T phải mất tiền đặt cọc.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Vào năm 2017, bà có giới thiệu cho bà H chuyển nhượng đất cho bà T và bà có đưa bà T đi coi đất. Sau khi thống nhất giá 550.000.000 đồng, thì vào ngày 14/8/2017, rể bà T đem tiền đến nhà bà H, đặt cọc trước cho bà H số tiền 30.000.000 đồng, có làm giấy chuyển nhượng đất đề ngày 14/8/2017 và hẹn trong vòng một tháng sẽ chồng đủ số tiền còn lại, rồi hai bên ra công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng đất, nhưng khi chưa đến tháng khoảng 15 đến 20 ngày, thì bà T điện thoại cho bà nói là đất bà H bị giải tỏa làm đường, nên bà không mua nữa bảo bà T trả lại tiền đặt cọc cho bà, bà có nói lại là nếu không mua thì mất tiền cọc, còn bà có muốn lấy lại tiền thì đi gặp bà H mà lấy chứ bà không biết.

Sau khi hòa giải không thành.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện TPđưa vụ án ra xét xử tại bản án số 27/2018/DS-ST như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Ouôc Hội.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tvề việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" đối với bà Bùi Thị Mỹ H, cụ thể là bà T yêu cầu bà H trả lại cho bà tiền đặt cọc 30.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nộp tiền án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 11/9/2018, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bà H trả lại cho bà tiền đặt cọc 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải trả lại cho bà T 30.000.000đồng.

- Bị đơn đồng ý bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bà T .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát và tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định, người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Tvẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa xem xét đối với số tiền mà bà Huỳnh Thị T đã giao cho bà Bùi Thị Mỹ H là tiền đưa trước để thực hiện việc mua bán đất và cho rằng hợp đồng chưa đảm bảo về mặt pháp lý, chưa được công chứng chứng thực nên hợp đồng vô hiệu và đề nghị hoàn trả tài sản của ai nên trả về cho người ấy. Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Căn cứ Giấy chuyển nhượng đất do hai bên thỏa thuận lập vào ngày 14/8/2017 thì bà Bùi Thị Mỹ H xác nhận có ký giấy chuyển nhượng đất với bà Huỳnh Thị T thể hiện việc hai bên sẽ chuyển quyền sử dụng đất với diện tích 2.900 m^2 giá chuyển nhượng 550.000.000đồng; vị trí đất tại xóm 5, xã HM, huyện TP, đặt cọc trước 30.000.000đồng, thời gian giao số tiền còn lại vào ngày 14/9/2017.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền nguyên đơn xác định số tiền trên là tiền đưa trước cho việc hứa mua đất; tuy nhiên quá trình thu thập tài liệu các chứng cứ, đơn khởi kiện, giấy chuyển nhượng đều thể hiện bà T đều xác định số tiền trên là tiền đặt cọc trước để mua đất. Việc thừa nhận trên phù hợp bị đơn thừa nhận về giao dịch mua bán đất của cả hai bên. Đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng lý do không mua đất nữa là do phần đất mua của bà H nằm trong diện giải tỏa quy hoạch làm đường trên phần đất được mua nên bà T không tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận là giao tiếp số tiền còn lại 520.000.000đồng vào ngày 14/9/2017 để làm các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất mà yêu cầu bà H phải trả lại tiền.

[3]Việc bà T thừa nhận không tiếp tục giao số tiền còn lại với những lý do trên không thuộc lỗi phía bà H, bởi các bên đã tự thỏa thuận xác lập giao dịch chuyển quyền sử dụng đất được lập thành văn bản, cả hai bên ký xác nhận về thỏa thuận trên. Quá trình thực hiện bên bà T là người nhận chuyển nhượng không đồng ý tiếp tục thực hiên hợp đồng mà tự đơn phương chấm dứt thỏa thuận thì phải chịu hậu quả pháp lý của việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Việc xác định số tiền trên là tiền đặt cọc thì phải xử lý hậu quả pháp lý theo quy định của Bộ luật dân sự được nêu rõ tại Điều 328 "…nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc…"

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định các căn cứ pháp lý và xử bác đơn khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị T là có căn cứ.

Kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả lại 30.000.000đồng là không có căn cứ nên hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[4]Về án phí sơ thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự . Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TP.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Ouôc Hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Tvề việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc" đối với bà Bùi Thị Mỹ H, cụ thể là bà T yêu cầu bà H trả lại cho bà tiền đặt cọc 30.000.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Bà T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà T (do ông Nguyễn Phi L nộp thay) đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0019575 ngày 18/9/2019 tại Chi cục thi hành án huyện TP nên không phải nộp nữa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDTC;
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-TAND huyện TP;
-THADS huyện TP;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.
-Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thái

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bình Thuận, ngày 30 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 30/7/2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Thanh Thúy và ông Nguyễn Văn Thanh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 151/2018/TLPT-DS ngày 14/11/2017, về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Phạm Kiệt, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Thị Dung, sinh năm 1970

2/ Ông Lê Văn Thành, sinh năm 1960

3/ Bà Nguyễn Thị Lọt, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đông Giang, huyện Hàm Thuận Bắc-Bình Thuận.

4/ Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (có văn bản từ chối tham gia tố tụng đề ngày 09/3/2018).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử gồm ba thẩm phán cùng thống nhất như sau:

Ông Nguyễn Văn Thanh đề nghị như sau:

Áp dụng điều luật:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự .

- Áp dụng: Điều 4, Điều 105, Khoản 7 Điều 166, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 26, Điều 34, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính.

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy thống nhất về áp dụng điều luật như đề nghị của ông Thanh.

Bà Lê Thị Thanh Thái thống nhất hai ý kiến trên về áp dụng điều luật.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xuân Mai. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

- Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Mai yêu cầu ông Phạm Kiệt, bà Trương Thị Dung giao trả cho bà diện tích đất tranh chấp đo đạc hiện trạng 876,2m^2 (407m^2 + 469,2m^2) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 943298 ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Xuân Mai và tháo dỡ tài sản có trên diện tích đất tranh chấp đo đạc hiện trạng 876,2m^2 gồm nhà cấp 4B diện tích 96,47m^2, mái che khung sắt tiền chế diện tích 29,82m^2, tường rào xây gạch dài 31,1m, sân bê tông diện tích 76,16m^2, chuồng gà xây gạch diện tích 9,6m^2, chuồng dê diện tích 30m^2, giếng bi sâu 5m để trả lại hiện trạng đất cho bà.

- Có Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 07/4/2016 kèm theo.

2/ Hủy:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 943298 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 943297 cấp cùng ngày 30/12/2005 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Xuân Mai.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 060242 ngày 13/01/2015 đứng tên ông Lê Văn Thành, bà Nguyễn Thị Lọt cập nhật chuyển nhượng cho ông Phạm Kiệt, bà Trương Thị Dung ngày 22/6/2015.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 060244 ngày 13/01/2015 đứng tên ông Lê Văn Thành, bà Nguyễn Thị Lọt.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 060243 ngày 13/01/2015 đứng tên ông Lê Văn Thành, bà Nguyễn Thị Lọt.

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy chấp nhận kháng của đương sự, sửa án sơ thẩm như đề nghị của ông Thanh.

Bà Lê Thị Thanh Thái thống nhất hai ý kiến trên.

- Áp dụng các Điều 147, 157, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

3/ Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Xuân Mai phải chịu 5.257.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ số tiền 4.000.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007920 ngày 01/02/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, còn lại 1.257.000đồng bà Nguyễn Thị Xuân Mai phải tiếp tục nộp.

- Ông Phạm Kiệt, bà Trần Thị Dung; ông Lê Văn Thành, bà Nguyễn Thị Lọt không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất:

- Bà Nguyễn Thị Xuân Mai phải chịu 3.791.000đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất. Bà Nguyễn Thị Xuân Mai đã nộp đủ 3.791.000đồng tạm ứng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc nên không phải nộp nữa.

- Ông Phạm Kiệt, bà Trần Thị Dung; ông Lê Văn Thành, bà Nguyễn Thị Lọt không chịu lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất.

- Về án phí phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Xuân Mai không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà số tiền 300.000đồng bà đã nộp theo biên lai số

0014654 ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy thống nhất như đề nghị về án phí, quyền kháng cáo của ông Thanh.

Bà Lê Thị Thanh Thái thống nhất hai ý kiến trên.

Nghị án kết thúc cùng ngày 30/7/2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Thanh	**Đoàn Thị Thanh Thúy**
	Lê Thị Thanh Thái